TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃVIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 15-8-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn
Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị N, sinh năm 1997 (có mặt)
HKTT: Tổ dân phố D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang
Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai tại Toà án, nguyên đơn chị Thân Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian ngắn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện V (nay là phường B, thị xã V), tỉnh Bắc Giang năm 2015. Sau khi cưới thì chị về nhà anh Đ làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến tháng 7/2023 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung và

có 1 vài lần anh Đ uống rượu về có đánh chửi chị. Khi có mâu thuẫn thì gia đình và vợ chồng có tìm cách hòa giải mâu thuẫn nhiều lần nhưng không được. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh Đ không gọi chị về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu C sinh ngày 19/10/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 17/10/2020. Hiện tại hai cháu đang ở cùng anh Đ. Các cháu phát triển bình thường. Từ khi hai vợ chồng ly thân thì anh Đ không đồng ý cho chị mang con theo nhưng chị vẫn thường xuyên nhờ bố chị lên đón con về nhà ông bà ngoại chơi và gửi sữa, đóng học cho con theo hình thức chuyển khoản (chị có nộp bản sao kê cho Tòa án). Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Quỳnh A còn anh Đ nuôi cháu C, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm tự do (làm về bất động sản và bán hàng online), thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Chị đang cùng bố mẹ đẻ của chị. Chị không đồng ý để anh Đ nuôi cả hai con vì anh Đ làm nghề lái xe, thu nhập cũng không ổn định nên việc nuôi cả hai con cũng sẽ vất vả hơn mỗi vợ chồng nuôi 01 con.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức, ruộng đất: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thân Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện V (nay là phường B, thị xã V). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, chị N hiện không còn ở nhà anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu C sinh ngày 19/10/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 17/10/2020. Hiện cả hai con đang ở cùng anh, đời sống phát triển bình thường. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh nuôi cả hai con. Trường hợp chị N không đồng ý để anh nuôi cả hai con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu anh nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện anh đang làm lái xe taxi, nhưng anh làm tự do, không làm cho công ty nào. Thu nhập của anh khoảng 20.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: anh và chị N không có tài sản chung, không có công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận anh không thể đến Tòa án làm việc được, anh đã có lời khai trong hồ sơ nên anh đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh.

Kết quả xác minh:

Xác minh tại gia đình, bà nội bị đơn cung cấp: Anh Đ và chị N là vợ chồng, từ khi kết hôn anh Đ và chị N chung sống cùng gia đình. Quá trình chung sống vợ chông có 02 con chung và không có mâu thuẫn, còn mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng như nào gia đình không nắm được, chị N đã không ở gia đình bà vài tháng nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết để anh Đ và chị N về đoàn tụ với nhau.

Ban lãnh đạo tổ dân phố D cung cấp: Anh Đ và chị N là vợ chồng, chung sống với nhau tại tổ dân phố D, phường B, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, hiện 02 con đang ở cùng anh Đ. Ban lãnh đạo tổ dân phố không nắm được vợ chồng có mâu thuẫn gì trong cuộc sống hay không, do anh Đ và chị N không báo cáo với tổ dân phố. Anh Đ hiện đang làm nghề lái xe taxi, anh Đ đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Thân Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị đơn, nguyên đơn không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX Áp dụng các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Thân Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ

Về con chung: giao cho chị Thân Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 17/10/2020, anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu C sinh ngày 19/10/2016. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị N, anh Đ được quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở chị N, anh Đ thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Thân Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: tổ dân phố D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt anh Đ: Tại phiên toà anh Đ vắng mặt nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2015 tại UBND thị trấn B, huyện V (nay là phường B, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Chị Thân Thị N cũng đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn (bản chính). Như vậy hôn nhân của chị Thân Thị N và anh Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. chị Thân Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Thân Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[4] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu C sinh ngày 19/10/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 17/10/2020. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh Đ. Ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu Quỳnh A và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đề nghị giao hai con cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có lấy lời khai của cháu C, cháu C có nguyện vọng được ở cùng anh Đ khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị N và anh Đ đều là lao động tự do, đều có thu nhập ổn định và đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, cháu C có nguyện vọng được ở cùng anh Đ nên cần giao cháu C cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Quỳnh A còn nhỏ và là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên cần giao cháu Quỳnh A cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Thân Thị N và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Thân Thị N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Thân Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 17/10/2020 cho chị Thân Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hữu C sinh ngày 19/10/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N và anh Đ có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở chị N, anh Đ thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Thân Thị N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền dự phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai 0003526 ngày 01/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Chị N đã nộp đủ án phí DSST.

Báo cho đương sự có mặt biết quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Bích Động (ĐKKH số 47 ngày 03/11/2015).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết